

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-6-2024.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huỳnh và bà Lê Thị Ánh Sáng.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đặng Xuân Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thụy Nhật Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Qui L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ D, ấp p1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q, anh L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, chị Hoàng Thụy Nhật Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Qui L về chung sống với nhau từ đầu năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 25/6/2001 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 1/2001. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đời sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, anh L không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau hơn một năm nay, từ khi sống ly thân không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ

chồng chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Qui L.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 2002; Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh năm 2004; Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Hoàng Phương L1, sinh ngày 30/3/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu L1, tạm thời không yêu cầu anh L Phải cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là cháu T và cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: **Không có**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Qui L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân như chị Q trình bày là đúng. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt.

Từ khi sống ly thân, vợ chồng anh mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng anh ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được nhưng anh không đồng ý ly hôn do anh là người theo đạo nên không thể đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng anh chị có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 2002; Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh năm 2004; Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Hoàng Phương L1, sinh ngày 30/3/2017. Cháu T và cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu A và cháu L1 sau khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Qui L, sinh năm 1978; Nơi cư trú hiện nay: Tổ D, ấp A, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 25/6/2001 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 1/2001 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Q xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q, anh L đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ hơn một năm nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ, vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bản phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị Q kiên quyết ly hôn, còn anh L không đồng ý ly hôn do anh là người theo đạo nên không thể đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q, anh L là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Q về việc xin ly hôn với anh L là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị Q, anh L có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 2002; Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh năm 2004; Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Hoàng Phương L1, sinh ngày 30/3/2017. Chị Q và anh L thống nhất sau khi ly hôn giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu A và cháu P, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T và cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị Q, anh L đều thừa nhận hiện nay chị Q có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Xét thoả thuận của anh chị là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thụy Nhật Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thụy Nhật Q được ly hôn với anh Nguyễn Qui L.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thụy Nhật Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương A, sinh ngày 29/12/2006 và Nguyễn Hoàng Phương L1, sinh ngày 30/3/2017. Tạm thời anh Nguyễn Qui L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

02 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 2002; Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh năm 2004 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thụy Nhật Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0015287 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị Q đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Cẩm Đường,
huyện Long Thành, tỉnh Đồng
Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện
Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình